

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/NGHỀ: NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6620303

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG (hệ tốt nghiệp THPT)

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 299/QĐ-KTKT, ngày 15 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ*

NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Nuôi trồng thủy sản

Mã ngành, nghề: 6620303

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3,0 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Nuôi trồng thủy sản đào tạo kỹ sư thực hành có kiến thức, kỹ năng thực hành và vận dụng vào thực tiễn bao gồm các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể phụ trách kỹ thuật và quản lý các trang trại sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản nước ngọt, lợ và mặn; phụ trách kinh doanh giống thủy sản, thức ăn và thuốc hóa chất; phụ trách kỹ thuật phân tích trong các phòng thí nghiệm; chủ cơ sở sản xuất và kinh doanh thủy sản.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Nuôi trồng thủy sản phải có đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề đáp ứng với vị trí công việc; giải quyết công việc một cách chủ động; có tâm về nghề nghiệp; có đủ sức khỏe, đáp ứng được điều kiện làm việc của Công ty/Doanh nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành nuôi trồng thủy sản trình độ cao đẳng nhằm đào tạo người học có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực và có trách nhiệm với nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu thực tiễn sản xuất, đóng góp vào sự phát triển ngành Thủy sản Việt Nam.

Người học sau khi tốt nghiệp cao đẳng ngành nuôi trồng thủy sản có khả năng đảm nhận các vị trí việc làm tại các trại sản xuất giống, các công ty hay các trang trại nuôi thủy sản, các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực thủy sản hay tự tạo lập và vận hành trại giống, hệ thống Nuôi trồng thủy sản riêng cho bản thân và gia đình.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức:

- Sinh viên trình bày được những khái niệm, vai trò của vi sinh vật trong môi trường tự nhiên và trong ao nuôi thủy sản, ứng dụng vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản;
- Sinh viên trình bày các kiến thức về các quy luật sinh lý cơ bản trong hoạt động sống của cá và giáp xác.
- Trình bày được các kiến thức cần thiết về xây dựng công trình và các thiết bị sản xuất giống và nuôi thủy sản;
- Mô tả được phương pháp xác định một số chỉ tiêu môi trường nước; phân tích, đánh giá được biện pháp quản lý một số yếu tố môi trường trong ao nuôi thủy sản;
- Trình bày được các đặc điểm dinh dưỡng của động vật thủy sản; vai trò của các loại enzyme trong ống tiêu hóa của cá; các chỉ tiêu cơ bản trong dinh dưỡng và thức ăn thủy sản;
- Mô tả được đặc điểm sinh học của một số loài thủy sản nước ngọt, lợ mặn có giá trị kinh tế; nêu vai trò, đặc điểm nhận dạng một số thủy sản;
- Trình bày và giải thích được quy trình công nghệ sản xuất và nuôi thương phẩm một số đối tượng cá nước ngọt, lợ mặn có giá trị kinh tế;
- Trình bày và giải thích được quy trình công nghệ sản xuất và nuôi thương phẩm một số đối tượng giáp xác có giá trị kinh tế;
- Trình bày và giải thích được quy trình công nghệ sản xuất và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế;
- Trình bày được các quy trình nuôi tôm, cá theo hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Quy phạm thực hành Nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP); các văn bản quản lý nhà nước về phát triển nuôi trồng thủy sản;
- Trình bày và giải thích được quy trình công nghệ nuôi thương phẩm một số đối tượng thân mềm có giá trị kinh tế;
- Trình bày được biện pháp phòng bệnh tổng hợp, phương pháp chẩn đoán bệnh động vật thủy sản; phân tích, đánh giá biện pháp trị một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản;
- Trình bày và phân tích được nguyên tắc sử dụng các loại chế phẩm sinh học, thuốc, hóa chất thường dùng trong nuôi trồng thủy sản;
- Trình bày được các nguyên tắc về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ nơi làm việc; Các biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng:

- Áp dụng được các kiến thức về vi sinh vật ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản;

- Áp dụng được các kiến thức về sinh lý cá, giáp xác để giải thích được các hoạt động sinh lý của cá, giáp xác trong mối quan hệ với môi trường sống;

- Vận hành, bảo trì một số một số công trình xây dựng, thiết bị và dụng cụ sử dụng trong trại giống và vùng nuôi các đối tượng thủy sản;

- Xác định và quản lý được một số yếu tố môi trường trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt;

- Theo dõi và đánh giá được hiệu quả sử dụng thức ăn của động vật thủy sản; nhu cầu các chất dinh dưỡng của động vật thủy sản; thiết lập được khẩu phần theo nhu cầu đạm của động vật thủy sản;

- Nhận dạng được một số loài động vật thủy sản nuôi, một số thủy sinh vật trong thủy vực nước ngọt, lợ mặn;

- Thực hiện thành thạo quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng cá nước ngọt, lợ mặn có giá trị kinh tế;

- Thực hiện thành thạo quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng giáp xác có giá trị kinh tế;

- Thực hiện thành thạo quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế;

- Áp dụng được các quy trình nuôi tôm, cá theo hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và quy phạm thực hành Nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) vào các hệ thống sản xuất, ương nuôi các đối tượng thủy sản;

- Áp dụng được biện pháp phòng bệnh tổng hợp; chẩn đoán và trị được một số bệnh thường gặp ở động vật thủy sản;

- Sử dụng được một số loại chế phẩm sinh học, thuốc, hóa chất thường dùng trong nuôi trồng thủy sản đảm bảo an toàn và hiệu quả;

- Thực hiện thành thạo biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động trong nuôi trồng thủy sản;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, tự tin trong giao tiếp với đồng nghiệp và làm việc với khách hàng;

- Đam mê công việc, có đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật tốt trong quá trình làm việc;

- Tinh thần trách nhiệm cao với kết quả công việc, thái độ hoà đồng, thân thiện với đồng nghiệp;

- Năng động, sáng tạo, có khả năng xử lý các tình huống, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ cấp dưới và phân công, giám sát nhóm làm việc hiệu quả;

- Sẵn sàng chấp nhận cái mới, đề xuất ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quy trình công nghệ mới để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc được giao;

- Đánh giá được kết quả thực hiện công việc, tổng kết, rút kinh nghiệm và cải tiến sau mỗi công việc, mỗi đợt ương, nuôi các đối tượng thủy sản nước mặn, nước lợ;

- Có ý thức bảo vệ môi trường, xử lý chất thải, nước thải trước khi xả ra môi trường xung quanh;

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các biện pháp bảo hộ, an toàn lao động và giữ vệ sinh chung nơi làm việc.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Sản xuất giống động vật thủy sản nước ngọt;

- Sản xuất giống động vật thủy sản nước mặn, lợ;

- Nuôi thương phẩm động vật thủy sản nước ngọt;

- Nuôi thương phẩm động vật thủy sản nước mặn, lợ;

- Phòng và trị bệnh động vật thủy sản;
- Tư vấn, dịch vụ thủy sản

Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1.860/80 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học: 34
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.425/61 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 773 (giờ); thực hành, thực tập: 1.087 (giờ/tín chỉ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I Năng lực cơ bản (năng lực chung)		
1	NLCB-01	Năng lực sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản (Bậc 2 theo KNLNNVN, tương đương CEFR A2)
2	NLCB-02	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Xác nhận trình độ kỹ năng, sử dụng hiệu quả Windows, Word, Excel, PowerPoint, Internet
3	NLCB-03	Năng lực hiểu biết về chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách nhà nước.
4	NLCB-04	Năng lực hiểu biết về Nhà nước và pháp luật. Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn.
5	NLCB-05	Năng lực hiểu biết về hệ thống chính trị, pháp luật và quốc phòng - an ninh của nhà nước Việt Nam, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
6	NLCB-06	Đảm bảo khả năng đáp ứng về thể chất, sức khỏe đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
1	NLCL-01	Xác định các loài và quá trình phát triển của vi sinh vật trong nước và trình bày được ứng dụng trong các chế phẩm sinh học trong nuôi trồng thủy sản

2	NLCL-02	Phân tích một số chỉ tiêu môi trường nước nuôi trồng thủy sản
3	NLCL-03	Xác định các loài và quá trình phát triển của phiêu sinh vật trong hệ sinh thái thủy sinh
4	NLCL-04	Xác định một số chỉ tiêu sinh học, sinh lý của động vật thủy sản
5	NLCL-05	Xác định các loài thủy sản cấu trúc chức năng của các cơ quan của động vật thủy sản
6	NLCL-06	Xác định yêu cầu kỹ thuật của công trình nuôi thủy sản
7	NLCL-07	Sử dụng thức ăn nhân tạo trong nuôi trồng thủy sản
8	NLCL-08	Đánh giá thành thực của cá bố mẹ, tính toán và tổ chức thực hiện kích thích sinh sản, ấp, ương cá loài cá nước ngọt
9	NLCL-09	Nhận biết và đánh giá chất lượng của con giống bố mẹ, tính toán, tổ chức thực hiện cho sinh sản, và ương ấu trùng giáp xác nước mặn, lợ
10	NLCL-10	Quản lý và thực hiện được các bước kỹ thuật nuôi thương phẩm các loài giáp xác nước mặn lợ
11	NLCL-11	Thao tác và sử dụng các dụng cụ thiết bị phòng thí nghiệm vi sinh vật trong nước, thực hiện thí nghiệm nghiên cứu đánh giá các chỉ tiêu sinh lý động vật thủy sản, Thực hiện phân tích các chỉ tiêu phiêu sinh vật
12	NLCL-12	Thao tác và thực hiện và đánh giá chất lượng của con giống bố mẹ, tính toán, tổ chức thực hiện cho sinh sản, và ương ấu trùng và nuôi giáp xác nước mặn, lợ; Thực hiện thu, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước và đánh giá kết quả chỉ tiêu để điều chỉnh quản lý chất lượng nước ương và nuôi; Xác định yêu cầu kỹ thuật của công trình nuôi thủy sản
13	NLCL-13	Quản lý và thực hiện nuôi các loài động vật thủy sản nước ngọt
14	NLCL-14	Áp dụng được nguyên lý, phòng, chẩn đoán, và xử lý bệnh một số bệnh động vật thủy sản nước mặn, lợ và ngọt trong hệ thống nuôi
15	NLCL-15	Sử dụng một số loại thuốc, hóa chất trong nuôi trồng thủy sản
16	NLCL-16	Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nuôi trồng thủy sản, áp dụng các quy trình kỹ thuật để đảm bảo an toàn sinh học trong nuôi trồng thủy sản. Thực hiện dịch tài liệu chuyên môn và tiêu chuẩn chuyên ngành từ Anh sang Việt.

17	NLCL-17	Áp dụng được các kỹ thuật nuôi thương phẩm các thủy đặc sản
18	NLCL-18	Áp dụng được các kỹ thuật nuôi thương phẩm các loài cá biển
19	NLCL-19	Thực hiện cách bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học; Trình bày được các báo cáo thực tập doanh nghiệp và tốt nghiệp
20	NLCL-20	Thực tập doanh nghiệp liên quan công trình thiết bị, sản xuất giống và nuôi nước ngọt, lợ và mặn
21	NLCL-21	Thực tập tốt nghiệp theo chuyên đề sản xuất giống và nuôi nước ngọt, lợ và mặn
III Năng lực nâng cao		
1	NLNC-01	Đảm bảo các kiến thức, kỹ năng mềm và nghề nghiệp giúp phát triển bản thân, tham gia hội nhập, khởi nghiệp sau khi tốt nghiệp
2	NLNC-02	Năng lực sáng tạo, có khả năng tự thiết kế các thiết bị, đồ dùng phục vụ cho thực hành thực tập trong quá trình đào tạo
3	NLNC-03	Năng lực tự học tập, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.
4	NLNC-04	Năng lực nghiên cứu khoa học để tìm ra các giải pháp kỹ thuật mới, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp sau khi ra trường
IV Năng lực bổ trợ		
1	NLBT-01	Có kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán; kỹ năng định hướng và phát triển nghề nghiệp; kỹ năng làm việc trong môi trường áp lực;
2	NLBT-02	Có kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý điều hành; kỹ năng xây dựng đội ngũ vững mạnh;
3	NLBT-03	Có kỹ năng quản lý và giải quyết xung đột; kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

6. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học	Số	Thời gian học tập (giờ)
-------	-------------	----	-------------------------

		tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/ thí nghiệm/thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23
CMC211	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC113	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC114	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
II	Các môn học chuyên môn	61	1425	544	832	49
II.1	Môn học cơ sở	13	210	168	30	12
CNT103	Vi sinh vật	2	30	28		2
CNT101	Quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản	2	30	28		2
CNT203	Sinh thái thủy sinh	2	30	28		2
CNT205	Phiêu sinh vật	2	30	28		2
CNT202	Sinh lý cá, giáp xác	2	30	28		2
CNT201	Ngư loại	3	60	28	30	2
II.2	Môn học chuyên môn	44	1155	320	802	33
CNT301	Công trình và thiết bị trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
CNT305	Thức ăn trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
CNT406	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	3	60	27	30	3
CNT304	Kỹ thuật sản xuất giống giáp xác	2	30	28		2
CNT303	Kỹ thuật nuôi giáp xác	2	30	28		2
CNT204	Thực hành cơ sở ngành	2	60		57	3
CNT312	Thực hành chuyên ngành	2	60		57	3
CNT408	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	13	30	2

	học trong nuôi trồng thủy sản					
CNT307	Bệnh học thủy sản	3	60	28	28	4
CNT302	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	60	28	30	2
CNT407	Thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
CNT506	Kỹ thuật nuôi thủy sản tiên tiến	2	30	28		2
CNT309	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thủy đặc sản	3	60	28	30	2
CNT502	Kỹ thuật nuôi cá biển	2	30	28		2
CNT405	Thực tập doanh nghiệp/ Rèn nghề 1	4	180		180	
CNT404	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề 2	3	135		135	
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
CXH101	Công tác xã hội	1	60		60	
II.3	Môn học tự chọn, nâng cao	4	60	56		4
CTP401	An toàn lao động	2	30	28		2
CNT503	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	2	30	28		2
CNT403	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	2	30	28		2
CNT402	Khuyến ngư	2	30	28		2
Tổng cộng		80	1860	701	1087	72

7. Kế hoạch giảng dạy:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CMC110	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	CMC111	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4

4	CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
	CXH101	Công tác xã hội	1	60		60	
Tổng cộng			13	255	110	132	13

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
2	CMC210	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
3	CNT103	Vi sinh vật	2	30	28		2
4	CNT205	Phiêu sinh vật	2	30	28		2
5	CNT202	Sinh lý cá, giáp xác	2	30	28		2
6	CNT203	Sinh thái thủy sinh	2	30	28		2
7	CNT204	Thực hành cơ sở ngành	2	60		57	3
Tổng cộng			16	360	159	180	21

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CNT201	Ngư loại	3	60	28	30	2
2	CNT301	Công trình và thiết bị trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
3	CNT101	Quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
4	CNT305	Thức ăn trong nuôi trồng thủy	2	30	28		2
5	CNT304	Kỹ thuật sản xuất giống giáp xác	2	30	28		2
6	CNT312	Thực hành chuyên ngành	2	60		57	3
Tổng cộng			13	240	140	87	13

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CNT406	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	3	60	27	30	3
2	CNT302	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	3	60	28	30	2
3	CNT303	Kỹ thuật nuôi giáp xác	2	30	28		2
4	CNT408	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong nuôi trồng thủy sản	2	45	13	30	2
5	CNT405	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề 1	4	180		180	
Tổng cộng			14	375	96	270	9

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc	10	180	112	58	10
1	CNT407	Thuốc và hóa chất trong nuôi trồng thủy sản	2	30	28		2
2	CNT307	Bệnh học thủy sản	3	60	28	28	4
3	CNT309	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thủy đặc sản	3	60	28	30	2
4	CNT506	Kỹ thuật nuôi thủy sản tiên tiến	2	30	28		2
		Môn học tự chọn	4	60	56		4
1	CNT503	Kỹ thuật nuôi cá cảnh	2	30	28		2
2	CTP401	An toàn lao động	2	30	28		2
3	CNT403	Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên	2	30	28		2
4	CNT402	Khuyến ngư	2	30	28		2
Tổng cộng			14	240	168	58	14

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Môn học	Số tín chỉ	Tổng số giờ	Phân bố số giờ		
					LT	TH	Thi/kiểm tra
		Môn học bắt buộc					
1	CNT502	Kỹ thuật nuôi cá biển	2	30	28		2
2	CNT404	Thực tập doanh nghiệp/Rèn nghề 2	3	135		135	
3	CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
Tổng cộng			10	390	28	360	2

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Đối với chương trình các môn học chung được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng giảng dạy, cụ thể:

1. Môn Giáo dục quốc phòng - An ninh: Thực hiện theo Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

2. Môn Tin học: Thực hiện theo Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng; Công văn số 2468/TCGDNN-ĐTCQ ngày 23/11/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc khai thác, sử dụng mô đun đào tạo “Năng lực số”;

3. Môn Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

4. Môn Pháp Luật: Thực hiện theo Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

. 5. Môn Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư 24/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

6. Môn Anh Văn: Thực hiện theo Thông tư 03/2019/TT-BLĐTĐ ngày 17/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Anh Văn thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản trình độ Cao đẳng được thực hiện theo phương thức đào tạo tín chỉ. Chương trình có tổng số tín chỉ: 80 tín chỉ với các môn học và khối lượng được xây dựng như trên là những quy định bắt buộc bao gồm các nội dung sau:

+ Các môn học chuyên môn: bao gồm kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và kiến thức tự chọn.

+ Các kiến thức, kỹ năng bổ trợ, như: kỹ năng đàm phán, kỹ năng tìm việc, quản lý tài chính,... (theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2021 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

- Đối với chương trình đào tạo chuyên ngành:

+ Được thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ để đo khối lượng học tập của người học, thời gian của các hoạt động trong khóa học được tính theo giờ và quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập, mỗi năm học được chia làm 02 học kỳ (5 tháng/1 học kỳ).

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

+ Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút.

+ Khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành tùy theo từng ngành, nghề đào tạo phải đảm bảo tỷ lệ: Tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 30% - 50%; Thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% - 70%

- Thực hiện nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

+ Các hoạt động xã hội, kỹ năng mềm được thực hiện theo Thông tư số 32/2021/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho HSSV trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số 338/QĐ-KTKT, ngày 19/9/2022 của Hiệu trưởng Trường về việc ban hành Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên; đồng thời được lồng ghép với thực hiện Chương trình môn học Công tác xã hội thực hiện theo Quyết định số 476/QĐ-KTKT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ về việc ban hành Chương trình môn học Công tác xã hội áp dụng cho HSSV các lớp cao đẳng, trung cấp hệ chính quy.

+ Các hoạt động dã ngoại, trải nghiệm,... tùy theo từng ngành đưa thêm nội dung cụ thể cho phù hợp tình hình thực tế tại thời điểm theo tiến độ đào tạo): Tổ chức giao lưu, sinh hoạt, tọa đàm trao đổi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hoạt động câu lạc bộ chuyên ngành, tham quan trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu, định hướng về nghề nghiệp, tư vấn tuyển dụng làm việc,... được thực hiện vào đầu khóa học, giữa khóa và cuối khóa trước khi sinh viên tốt nghiệp; Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, các danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh thực hiện vào đan xen trong khóa học; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, cắm trại, hoạt động tình nguyện, hoạt động giao lưu với các đơn vị,... do Nhà trường, Đoàn trường, Hội sinh viên tổ chức.

- Thực hiện tổ chức thi kết thúc môn học: Việc tổ chức thi kết thúc môn học thực hiện theo Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành của Trường.

- Thực hiện xét công nhận tốt nghiệp: Người học phải học xong chương trình và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong Chương trình đào tạo sẽ được Hội đồng xét tốt nghiệp xét đủ điều kiện để công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng với ngành/ngành được đào tạo, cụ thể:

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học được đánh giá theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Về điều kiện Tin học, Ngoại ngữ: Thực hiện theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cụ thể như sau:

+ Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông Tin và Truyền Thông, đáp ứng yêu cầu công việc.

+ Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trở lên.

- Trường cấp bằng tốt nghiệp cho người học:

+ Trình độ: Cao đẳng

+ Danh hiệu: Kỹ sư thực hành

9. Các chú ý khác

Chương trình này có giá trị sử dụng sau khi được thẩm định và có quyết định ban hành triển khai thực hiện kể từ ngày ký.

Cần Thơ, ngày 08 tháng 08 năm 2024



Nguyễn Thành Long